

Tại sao vẫn thiếu vắng một Mặt Trận Dân Chủ lớn mạnh ?

Tôn Thất Thiện

Phần I : Tại sao ?

Người Việt Nam phân hóa

Muốn đương đầu hữu hiệu với chế độ cộng sản trong một cuộc tranh đấu dành dân chủ mà không đẩy dân tộc Việt Nam vào một cuộc nội chiến tàn phá mới, cần phải có một mặt trận dân chủ lớn, mạnh. Nhưng, đến nay, sau 30 năm được nghe rất nhiều tiếng kêu gọi đoàn kết, trong nước cũng như ngoài nước vẫn thiếu vắng một mặt trận như thế, và không có dấu hiệu gì cho ta nghĩ rằng tình trạng này sẽ thay đổi trong một tương lai gần. Chỉ cần đọc tin tức mỗi ngày trên Laptop ta cũng thấy rõ ràng, qua thời gian, sự phân hóa giữa người Việt, nhất là ở ngoài xứ, không những không bớt đi, mà lại còn gia tăng. Số bản tin "spam" càng ngày càng nhiều và các tin tức, nhận định, kêu gọi, tuyên bố, tuyên cáo, thông cáo, thông báo, tâm sự, tâm thư, v.v. càng ngày càng dài hơn...

Các "spam" trên đây không phải chỉ do các đoàn thể - đảng, liên minh, phong trào, mặt trận... - mà còn do một số cá nhân, phổ biến, và số cá nhân làm việc này xem lại nhiều hơn các đoàn thể. Phần khác, những đoàn thể phổ biến các bản tin không phải là những đoàn thể có từ lâu và mang tên quen thuộc, mà là những đoàn thể mới lập, tên nghe rất lạ tai. Còn cá nhân thì rất nhiều tên hoàn toàn mới. Tình trạng này đưa đến nhận xét : người Việt ai cũng "tranh đấu" cả, nhưng chỉ muốn tranh đấu một mình, không cần tập hợp chung sức với ai cả, với niềm tin rằng cá nhân mình đủ sức loại bỏ được một chế độ có bảy triệu đoàn viên tổ chức chặt chẽ như chế độ cộng sản, và mang lại tự do hạnh phúc, dân chủ tiến bộ cho hơn 80 triệu dân Việt Nam...

Nếu phân xét một cách hời hợt, ta sẽ cho rằng những đoàn thể và cá nhân trên đây hám danh, trình độ hiểu biết thấp kém, không hiểu gì tình thế. Nhưng, thực ra, họ, cũng như rất nhiều người khác, là nạn nhân của một tình trạng do lịch sử để lại ; họ mang một số khuyết tật căn bản, nhưng không ý thức được tình trạng này, họ không công nhận rằng mình có khuyết tật căn bản như vậy.

Những khuyết tật căn bản nêu trên là khuyết tật không phải của riêng gì một cá nhân mà của đại đa số, nếu không nói là của hầu hết người Việt hiện nay. Nó là một đặc tính tâm lý, một đặc trưng của văn hóa Việt Nam, nằm sâu trong tiềm thức của quần chúng và chi phối hành vi của họ từ hơn một thế kỷ nay. Đây là một vấn đề then chốt của Việt Nam, cần được giải quyết tốt đẹp mới giải quyết được các vấn đề khác, đặc biệt là vấn đề hiện đại hóa, nghĩa là dân chủ hóa và phát triển kinh tế.

Muốn giải quyết tốt đẹp vấn đề, trước hết phải hiểu rõ nó. Điều này đòi hỏi một cuộc suy tư triệt để, thẳng thắn, bình tĩnh và vô tư về tâm lý của người Việt, và một cuộc tự

vấn cũng triệt để, thẳng thắn, bình tĩnh, và vô tư về chính bản thân mình, để thấy rõ người Việt và chính bản thân mình có những tính tốt và những khuyết tật gì, tình trạng này có những ảnh hưởng gì, tại sao có những khuyết tật đó, và làm sao cải thiện tình trạng. Nhưng đây là một việc mà, đến nay, rất ít người làm, một phần vì nó đòi hỏi phải có khả năng phân tích lớn, một phần vì nó chạm tự ái dân tộc và cá nhân : làm như vậy có vẻ phan phui những gì xấu về dân tộc Việt Nam và về chính bản thân mình. Chỉ trong gần đây nó mới được đưa ra cứu xét và thảo luận một cách thẳng thắn, bình tĩnh, tường tận, và vô tư như vậy.

Hai khuyết tật lớn

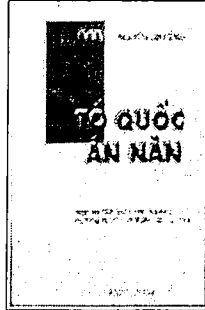
Một trong những người đóng góp nhiều trong sự soi sáng vấn đề trên đây là anh Nguyễn Gia Kiểng. Anh là một người tiên phong trong sự cứu xét và thảo luận thẳng thắn, bình tĩnh, sâu rộng, tường tận và vô tư này. Trong tác phẩm *Tổ Quốc Ấn Nấn* (TQAN), và trong nhiều bài báo đăng trong *Thông Luận*, anh đã nhận diện hai khuyết tật lớn đã gây ra rất nhiều trở ngại lớn cho sự thành lập một mặt trận dân chủ lớn mạnh có khả năng đóng vai trò một lực lượng đối trọng hữu hiệu trong cuộc tranh đấu với chế độ cộng sản nhằm đem lại tự do dân chủ cho Việt Nam. Hai khuyết tật đó là : *thiếu lòng yêu nước và thiếu óc tổ chức*.

Hai khuyết tật trên đây đã được anh Nguyễn Gia Kiểng mổ xẻ rất chi tiết và anh đã đưa ra những nhận xét đã gây tranh luận sôi nổi, nhưng, vô tư mà nói, nó phản ánh đúng thực tại.

Về khuyết tật thiếu yêu nước, quan điểm của anh Kiểng có thể tóm tắt như sau : *"Người Việt Nam hoặc không yêu nước, hoặc chỉ yêu nước một cách tương đối... Quần chúng Việt Nam chỉ quan tâm đến quyền lợi và sự yên ổn của mình hơn là cho tương lai đất nước... Lòng yêu nước của người Việt Nam không phải là không có nhưng rất mờ nhạt".* Phần khác, *"nếu thực sự yêu nước thì người Việt trước hết phải yêu nhau đã, chứ không thể phủ nhận, mặt sát, lên án, tiêu diệt nhau... [và] chống lại tinh thần hòa giải dân tộc"* (TQAN, tr. 68-69).

Một triệu chứng lớn khác của sự thiếu yêu nước là tâm lý phá hoại và đập phá vô trách nhiệm tiềm năng của đất nước, không *"quý từng con đường nhỏ, từng cây cầu, từng dãy phố, từng căn nhà... tránh những phí phạm và những cuộc chiến tranh làm chết hàng triệu người và tàn phá đất nước"* (TQAN, tr. 5).

Nhận xét trên đây áp dụng cho quá khứ, cũng như cho hiện tại. Trong thời gian gần đây, nhiều cán bộ cộng sản vô mông đã thẳng thắn công nhận rằng họ đã bị lừa và các cuộc chiến tranh trong những năm 1945-1975 là những sự phí phạm sinh mạng và tài nguyên của đất nước. Và những người thăm viếng Việt Nam đều đồng ý trên một điểm : quần chúng



rất thờ ơ với những vấn đề đất nước, ai cũng chỉ lo cho thân mình ; tranh đấu cho dân chủ được coi như là một chuyện vớ vẩn. Đến mức có những người không muốn nghe nói đến "yêu nước" nữa vì hai tiếng này đã thành "*bẩn thỉu*" (TQAN, tr. 570). Thái độ này tất nhiên là một trở ngại lớn cho việc vận động quần chúng trong việc thành lập một mặt trận dân chủ lớn, mạnh. Tại sao có tình trạng này là một điểm này sẽ được bàn chi tiết ở đoạn sau.

Khuyết tật thứ hai liên quan mật thiết với văn hóa. Nó là một khuyết tật lớn của xã hội Việt Nam dính liền với chuyển biến lịch sử, đặc biệt là từ cuối triều Tự Đức đến nay. Anh Kiểng đã nghiên cứu tường tận vấn đề này. Những sưu khảo và suy nghiệm của anh đã được thu tóm rõ ràng và gọn ghẽ trong *Tổ Quốc Ăn Năn* và *Thông Luận*. Vấn đề này cũng được một nhóm tư tưởng gia của Đệ Nhứt Cộng Hòa Việt Nam đặc biệt nghiên cứu trong tác phẩm *Chính Đê Việt Nam*. Nhóm này (từ đây sẽ được gọi là "Nhóm CH-I") cũng đã phân tích vấn đề rất tường tận, và đưa ra những nhận xét rất sâu sắc góp một phần quan trọng vào việc soi sáng vấn đề, nhất là về nguyên do tại sao Việt Nam lại lâm vào tình trạng đó. Một phần lớn của những điều trình bày trong bài này lấy từ những tác phẩm trên đây.

Nhóm CH-I, cũng như anh Kiểng, đã chú tâm vào vấn đề tổ chức vì họ hoạt động chính trị. Hoạt động chính trị là tranh đấu để thực hiện những mục tiêu chính trị-xã hội mà mình muốn. Nó đòi hỏi phải có một ban lãnh đạo gồm một số người đồng thuận về mục tiêu đường lối (lý thuyết), phương thức hoạt động, hợp tác chặt chẽ, và có kỷ luật, để vận động quần chúng, nghĩa là phải có một tổ chức rộng, lớn, và vững. Nhưng đến nay chưa có một tổ chức nào đủ điều kiện trên đây để đương đầu với đảng cộng sản.

Thiếu một văn hóa tổ chức

Nguyên do của tình trạng nói trên là Việt Nam thiếu một văn hóa tổ chức. Chúng ta có một quan niệm rất sơ sài về tổ chức. Chúng ta vẫn thường coi tổ chức là những buổi hội thảo, những cuộc biểu tình, những đêm văn nghệ. Chúng ta coi tổ chức là một bộ môn không cần phải học, ai nói cũng được, ai làm cũng được. Thực ra thì nó là một môn thuộc tâm lý xã hội học, nhưng [vì những lý do sẽ bàn ở đoạn dưới] nó không được phát triển ở nước ta. Do đó, văn hóa căn bản của chúng ta vẫn là "một văn hóa lẻ loi", chúng ta không cảm thấy nhu cầu phải sinh hoạt trong một tổ chức, chúng ta nhìn các tổ chức một cách khinh khi. Chúng ta không ý thức được khó khăn của việc thành lập, duy trì và phát triển của một tổ chức, nhất là một tổ chức chính trị.

Liên hệ giữa tổ chức và văn hóa là một điều rất ít được nói đến trong các giới chính trị, và ngay cả trong các giới trí thức Việt Nam. Cho nên ít người hiểu rằng văn hóa tổ chức là những kiến thức về bản chất cuộc sống của một tổ chức. Nó cũng là cách suy nghĩ và ứng xử trong khuôn khổ của một tổ chức, khiến con người không quên vai trò thành viên có nhiệm vụ bảo vệ và phát triển tổ chức của mình. Một tổ chức là một thực thể riêng, có trí khôn, những mục tiêu và những yêu cầu riêng, khác với những thành viên của nó. Những vấn đề của một tổ chức khác với những vấn đề cá nhân và gia

đình về tầm vóc, và bản chất.

Muốn kết hợp thành tổ chức phải biết vượt trên cá nhân mình, chấp nhận hy sinh và hệ lụy của tổ chức để xây dựng một lực lượng có khả năng thực hiện những việc lớn. Đây là những đức tính mà chỉ có những người rất thức thời, sáng suốt, có tầm vóc, được đào luyện trong một văn hóa tổ chức mới có được. Thiếu văn hóa tổ chức thì không thấy có nhu cầu tham gia tổ chức, và nếu có tham gia cũng thiếu phần xạ tổ chức - phản ứng tức khắc và tự nhiên trong sự chấp nhận những hệ lụy cần thiết cho sự hữu hiệu của tổ chức - đặc biệt là biết kềm chế tự ái để tôn trọng kỷ luật đoàn thể, chấp nhận và thi hành đúng đắn những quyết định của đa số, và tránh những cử chỉ, hành động, thái độ gây bất hòa, chia rẽ, trong tổ chức. Thiếu văn hóa tổ chức thì không hiểu sự phức tạp của tổ chức, và nhất là không ý thức được nguyên do căn bản tại sao người Việt Nam yếu kém về tổ chức, tại sao (nói theo Nhóm CH-I) tổ chức không được đặt lên hàng đầu của các "giá trị tiêu chuẩn" của xã hội Việt Nam, và người Việt Nam không ý thức rằng mình bị tâm lý vô tổ chức chi phối nặng đến mức nào.

Rõ ràng rằng vì thiếu năng khiếu về tổ chức nên, đến nay, Việt Nam vẫn chưa có được một mặt trận dân chủ có tầm vóc để đương đầu hữu hiệu với cộng sản. Cũng rõ ràng rằng thiếu tổ chức là một vấn đề văn hóa. Nhưng có một vấn đề nữa liên hệ mật thiết với tổ chức, đó là vấn đề phát triển. Điều này được nghiên cứu rất tường tận trong *Chính Đê Việt Nam*. "Chính Đê" là vấn đề chính, và vấn đề chính của Việt Nam là vấn đề *phát triển* - hiện đại hóa - và loại bỏ cộng sản chỉ là bước đầu của tiến trình này. Cũng như trong sự thành lập một mặt trận có tầm vóc, nó đòi hỏi phải có một sự vận động quần chúng, nghĩa là *tổ chức*. Và văn hóa thiếu tổ chức là một trở ngại lớn trong việc giải quyết vấn đề.

Một di sản của lịch sử

Tại sao người Việt thiếu kinh nghiệm, khả năng, quan niệm và quan tâm về tổ chức ? Đây là một vấn đề lịch sử liên quan đến di sản văn hóa của người Việt, đặc biệt là trong thời gian 200 năm qua. Cho nên phải cứu xét kỹ và vô tư những biến chuyển của văn hóa Việt Nam trong thời gian này.

Văn hóa của một nước biểu thị những "giá trị tiêu chuẩn" của giới thống trị của nước đó. Việt Nam đã qua ba giai đoạn lịch sử : vương quyền độc lập, bảo hộ Pháp và cộng sản. Người dân Việt Nam đã sống dưới ba văn hóa : Khổng giáo, thực dân Pháp và độc tài kiểu mác-lê. Những chuyển biến liên quan đến sự kiện này rất lớn và rất nhiều. Nó đã được anh Kiểng và Nhóm CH-I cứu xét rất tường tận trong những tác phẩm đã nêu trên. Bài này chỉ đề cập đến những chuyển biến liên quan nhiều hơn cả đến khía cạnh tổ chức, và, đặc biệt, những ảnh hưởng của nó đến sự thiếu năng khiếu về tổ chức của người Việt Nam.

Trước hết là Khổng giáo. Theo anh Kiểng, "*Khổng giáo là một văn hóa vô tổ quốc*". Do đó, nho sĩ là kẻ không có tổ quốc, họ phủ nhận quốc gia và khước từ mọi nhiệm vụ đối với cộng đồng, họ chỉ mưu lợi cho mình và sống trung thành với nghề sĩ, nghĩa là nghề đi học với làm quan. "*Những nhà nho không có tổ quốc, vì họ chỉ biết tới các tổ nghề, nghĩa*

là các thánh hiền của họ, và người tuyển dụng họ, nghĩa là nhà vua" (TQAN, tr. 346-347).

Nhận xét của anh Kiểng quá gắt gao, nhưng, về nội dung, phải công nhận rằng nó đúng, nhưng chỉ thật đúng về Khổng giáo từ cuối triều Tự Đức. Trước đó, quốc gia Việt Nam, dưới các chế độ quân chủ, vẫn là những quốc gia có tổ chức, có văn hiến, đủ sức mạnh để chống lại xâm lăng từ phương Bắc, như dưới các triều Lý, Trần, Lê, và bành trướng về phương Nam, như dưới các chúa Nguyễn. Đó là vì mục tiêu chính của Khổng giáo là tạo dựng quốc gia ổn định, có trật tự, quy củ. Phương tiện dùng để đạt mục tiêu này là đạo lý. Nếu mọi người trong một nước chấp nhận và tôn trọng đạo lý này thì tạo được một quốc gia-xã hội có tổ chức.

Trong đạo lý Khổng giáo, khái niệm "vua" chiếm một địa vị then chốt. Nói theo Nhóm CH-I, nó là bảo đảm cho sự vững chắc, "tín hiệu tập hợp" của toàn bộ cơ cấu quốc gia, xã hội, vua là thiên tử, đại diện của Trời, quyền hạn vô biên, địa vị bất khả xâm. Với điều kiện là ông phải làm đúng vai trò của mình: ông ta phải là một người đức độ, sáng suốt, công bằng, bảo vệ được an toàn cho đất nước, phúc lợi cho dân; ông là một đấng công, minh. Một ông vua như vậy được dân chúng tin cậy, chấp nhận. Giữa vua và triều đình - những kẻ vua dùng - và dân có một "tình trạng thăng bằng" (nói theo Nhóm CH-I). Cho nên, vấn đề yêu nước được giải quyết ổn thỏa bằng cách đồng hóa "Ái Quốc" với "Trung Quân", như Nhóm CH-I nhận xét; cơ cấu căn bản của xã hội là làng mạc tự trị; bộ máy hành chính của triều đình - chế độ quan trường - bao trùm lên trên các tổ chức quần chúng. Quốc gia Việt Nam theo Khổng giáo là một quốc gia có tổ chức, đã có nhiều thời kỳ thịnh vượng để lại nhiều thành tích. "Xưa kia, không khổ Khổng-Mạnh của chúng ta, tuy đã thất bại trong nhiều lãnh vực, nhưng ít ra đã đào tạo được lớp người thấm nhuần đạo quân tử, có tâm lý của người trưởng thành và tinh thần trách nhiệm của người lãnh đạo. Tất cả các truyền thống tốt đẹp đã sụp đổ cùng một lúc với uy quyền chính trị của Việt Nam" (CĐVN, tr. 84).

Tổ chức quốc gia Việt Nam theo mô hình Khổng giáo, nặng về khía cạnh đạo lý, chỉ có đủ mạnh để đương đầu với mọi tình thế trước khi va chạm với văn minh phương Tây, nhưng, sụp đổ vào giữa thế kỷ 19 dưới sự tấn công của Pháp.

Sự sụp đổ này khởi đầu dưới triều vua Tự Đức và hoàn tất vào cuối thế kỷ 19. Tóm tắt, vua Tự Đức và triều đình của ông không làm trọn nhiệm vụ của họ - canh tân để giữ nước - nên đương nhiên mất sự sùng bái của dân chúng. Vua không còn là tượng trưng của chủ quyền quốc gia nữa. Vua, then chốt của quốc gia, không còn nữa. Điều này quá rõ ràng sau khi Trung Quốc ký hiệp ước Thiên Tân (1885) nhượng quyền phong vương Việt Nam cho Pháp. Từ đó vua Việt Nam do Pháp chọn. Trong mắt người Việt Nam, ông ta không phải là vua của Việt Nam. Việt Nam không có vua nữa. Trung quân không còn là "giá trị tiêu chuẩn" và "tín hiệu tập hợp" của người dân yêu nước muốn hướng về "Tổ Quốc" nữa. "Ái Quốc" thành một câu hỏi: "Quốc là gì?", "Tổ Quốc ở đâu?" thay vì là một tín hiệu. Xã hội Việt Nam sụp đổ vì, trong thực tại, "Trung Quân" thành một danh từ vô nghĩa. Cho nên "Ái Quốc" và "Tổ Quốc" cũng thành những danh từ vô nghĩa.

Sự mất vua kéo theo sự sụp đổ hoàn toàn của tổ chức xã hội truyền thống Việt Nam. Về phương diện tổ chức chính trị hành chính, nó tạo ra một khoảng trống. Chính quyền bảo hộ Pháp lấp khoảng trống này với một tổ chức của họ.

Nhóm CH-I đã phân tích rất tường tận tác động của chế độ bảo hộ Pháp trên xã hội Việt Nam về phương diện tổ chức. Xã hội đó được phác họa như sau:

"Ngoài một hệ thống hành chính, thời kỳ thống trị của Đế quốc Pháp để lại cho ta một xã hội hoàn toàn vô tổ chức. Chính cái tổ chức, có vẻ chặt chẽ, của các làng mạc của chúng ta ở miền Bắc cũng bị lung lay đến tận gốc rễ. Ngoài tổ chức gia đình ra, người dân Việt Nam, lúc bấy giờ, không còn biết một tổ chức xã hội hay chức nghiệp nào nữa. Song song với một xã hội vô tổ chức và rời rạc, một hệ thống hành chính chuyên phục vụ quyền lợi của kẻ thống trị" (CĐVN, tr. 345).

Riêng về chế độ quan trường - tổ chức chính trị hành chính - dưới thời Pháp thuộc thì:

"Khi còn là một bộ phận của chế độ quân chủ chuyên chế, các tể tướng của quan trường không phát triển được nhờ quyền hành rất rộng và hình phạt cấp thời của nhà vua. Khi người Pháp đến, chế độ quan trường được giữ lại, vì một sự tính toán khôn khéo, nhưng không còn sự chế ngự tự nhiên như xưa nữa. Các nhược điểm của quan trường đương nhiên nảy nở và sự tham nhũng và hà hiếp dân chúng đã lên đến mức độ tột cùng. Người Pháp không có lý do gì mà tẩy trừ tình trạng đó, vì chủ trương của họ là để cho những người họ dùng không được lòng dân-chúng. Và làm lợi cho dân chúng không phải là mối lo âu của thực dân.

Vì vậy cho nên, tính cách quan liêu, phục tùng hèn hạ kẻ trên, và hà hiếp khinh miệt kẻ dưới là nhược điểm không thể cởi bỏ được của lớp người tai mắt trong thời kỳ thực dân" (CĐVN, tr. 86) ["lớp người tai mắt" được giáo sư Nguyễn Ngọc Huy gọi là "lớp người ưu tú"...].

Về tổ chức quần chúng, Nhóm CH-I viết:

"Sở dĩ chúng ta mất ý thức quần chúng và không quan niệm được tính cách cần thiết của sự tổ chức quần chúng trong đời sống của quốc gia, vì trong gần một trăm năm, chúng ta đã sống trong chế độ thống trị của Đế quốc, trong đó tổ chức quần chúng bị tuyệt đối cấm đoán... nhà cầm quyền Pháp cai trị xứ này cần gì đến tổ chức quần chúng. Ngược lại họ cần phải cấm đoán mọi hình thức tổ chức quần chúng để giữ cho nhân dân sống rời rạc và không đoàn tụ được... Nhiệm vụ của bộ máy hành chính của Pháp... chỉ là bảo vệ công cuộc trị an, để cho quyền lợi kinh tế của Pháp được bảo đảm. Vì vậy cho nên, các tổ chức quần chúng đối với người Pháp dưới chế độ Pháp thuộc không thể sinh sống được" (CĐVN, tr. 319).

Chế độ bảo hộ Pháp kết thúc năm 1945, nhưng ảnh hưởng tai hại của nó vẫn tiếp tục lâu dài sau đó: tâm lý cầu an, thờ ơ với những vấn đề hệ trọng của đất nước, tránh tập hợp, tránh giao lưu với những người "có vấn đề" với chính quyền, chỉ lo cho bản thân và gia đình, vẫn chi phối không những số đông, và ngay cả "lớp người tai mắt". Tình trạng này không những được duy trì, mà còn trầm trọng hơn dưới chế độ cộng sản.

Anh Kiểng đã nhận xét rằng chủ nghĩa cộng sản "chỉ là một cái tiến của Khổng giáo". Nó đã được hưởng ứng và thành công vì nó "rất phù hợp với văn hóa Khổng Mạnh mà chúng ta đã thấm nhuần và trân trọng trong suốt lịch sử" (TQAN, tr. 236-237). Nói như vậy đúng, nhưng nó chỉ thật đúng từ hai khía cạnh : tính cách chuyên chính của các chế độ Khổng giáo, và tinh thần phục tùng quyền lực của giới nho sĩ quan trường Khổng giáo, đặc biệt là dưới Pháp thuộc. Xét về phương diện tổ chức thì chế độ cộng sản Việt Nam lại là kết tinh của những gì xấu nhất của Khổng giáo lẫn chế độ Bảo hộ Pháp.

Nếu ta xét thời gian 1945-1975 về phương diện tổ chức, điều nổi bật là : ưu tiên của tất cả các phe, cộng sản, chống cộng sản, tất nhiên là nhu cầu quân sự, trong đó kỷ luật chiếm hàng đầu. Phe nào huy động được dân chúng sẵn sàng chấp nhận kỷ luật hơn thì phe đó được thế mạnh hơn. Điều này tùy thuộc "tín hiệu tập hợp". Nhờ lỗi lầm lớn của cựu hoàng Bảo Đại, chính phủ De Gaulle, và chính phủ Truman, phe cộng sản dành được danh nghĩa tranh đấu cho độc lập, "giá trị tiêu chuẩn" cao nhất, có công dụng "tín hiệu tập hợp" rất hiệu nghiệm đối với nhân dân Việt Nam thời đó. Họ đã triệt để khai thác yếu tố này, và đó là lý do chính đưa họ đến chiến thắng năm 1975. Gần đây, có nhiều người đã hết mình theo cộng sản trong thời gian chiến tranh lên tiếng giải thích rằng ý chí độc lập làm cho họ mù quáng và bị lãnh đạo cộng sản lừa gạt, cho dự "một cuộc lên đồng tập thể" (theo Dương Thu Hương) để thực hiện mưu đồ của họ, hoặc Việt Nam "không hề được giải phóng và thống nhất", đó chỉ là "một cuộc ăn cắp khổng lồ" (theo Bùi Tín).

Từ 1975 đến nay, mục tiêu thực của đảng cộng sản Việt Nam rất rõ ràng : đó là bám chặt quyền lực để thụ hưởng. Bằng cách áp đặt lên nhân dân Việt Nam một chế độ chuyên chính, bạo tàn, hiểm độc, vô đạo, hơn cả các chế độ Khổng giáo và bảo hộ Pháp nhiều. Nói cho đúng, chế độ cộng sản Việt Nam hiện nay là một chế độ "thực dân bản xứ" (nói theo Bửu Sao), nhưng lại hiểm độc, tàn ác, bất nhân, triệt để, và hữu hiệu hơn thực dân hơn Pháp nhiều trong việc đàn áp dân chúng. Họ hữu hiệu hơn nhờ áp dụng những kỹ thuật tinh vi của cộng sản Liên Xô. Cơ quan an ninh của họ là một hệ thống khủng bố mà người Việt Nam nào cũng sợ. Trong một tác phẩm được phổ biến rộng rãi, *Viết Cho Mẹ Và Quốc Hội*, ông Nguyễn Văn Trấn, một cán bộ cộng sản kỳ cựu, tiết lộ rằng ngay cả chủ tịch nước Tôn Đức Thắng cũng sợ "chúng nó".

Có một điều rất đặc biệt mà, theo tôi biết, chưa ai đề cập đến khi nói về cộng sản Việt Nam. Đó là không những họ thẳng tay tiêu diệt những đảng phái, đoàn thể đối lập, phân hóa và cô lập hóa tất cả các tổ chức không chấp nhận quan điểm cộng sản, mà còn cô lập hóa ngay cả đến từng cá nhân. Nhóm CH-I đã nhận diện đặc thù đó như sau :

"...không bàn nói đến sự tổ chức quần chúng chặt chẽ như một tổ chức quân đội theo lối cộng sản. Mục đích của cộng sản vượt xa sự đưa quần chúng vào khuôn khổ một lối sống tập thể, bởi vì cộng sản nhắm, trước tiên, mục tiêu chặt đứt hết dây liên hệ của người dân, trên các lãnh vực gia đình, xã hội và tôn giáo, thay thế vào đó bằng những

dây liên hệ duy nhất của đảng, để biến người dân thành một bộ phận hoàn toàn để điều khiển của một bộ máy chung mà họ là những người xử dụng" (CĐVN, tr. 315).

Phần II : Làm thế nào ?

Khoanh tay chờ đợi ?

Qua trình bày ở trên, ta thấy rõ rằng, trong tình trạng hiện nay, tổ chức một mặt trận dân chủ là một chuyện vô cùng khó khăn. Không những người tổ chức phải tụ tập được một số người hiểu rõ gánh nặng di sản văn hóa mà các chế độ Khổng giáo và thực dân Pháp để lại, mà còn phải sẵn sàng điều chỉnh tư tưởng và hành vi của mình, cùng vượt qua những chướng ngại mà chế độ cộng sản dàn ra để chặn đường họ. Những người đã nghiên cứu kỹ vấn đề đều công nhận sự khó khăn này.

Anh Kiểng công nhận như sau :

"Tất cả người Việt chúng ta, dù ở trong hay ngoài nước, dù ở lứa tuổi nào vẫn bị nhiễm độc nặng nề vì nền văn hóa Khổng Mạnh được du nhập vào nước ta với cái nội dung còn tồi tệ hơn nguyên bản của nó ở Trung Quốc... Cái di sản hai ngàn năm đó vẫn khống chế chúng ta. Chúng ta phải ý thức điều đó thì mới có hy vọng rũ bỏ được nó và tiến xa" (TQAN, tr. 371).

Nhóm CH-I nhận định như sau :

"Với thời gian, các dây liên hệ về tôn giáo, văn hóa và xã hội đã ăn sâu vào tiềm thức của các dân tộc cùng một xã hội. Vì thế cho nên không có lần lữa nào to tát cho bằng sự tin tưởng rằng trong một vài thế hệ hay một vài thế kỷ có thể thay đổi được tất cả tư tưởng của một dân tộc" [người viết bài này nhấn mạnh] (CĐVN, tr.74).

Một câu hỏi rất chính đáng được đặt ra ở đây : "Nếu như vậy, chúng ta đành khoanh tay, đợi cả thế kỷ nữa mới thấy bóng dân chủ ở Việt Nam hay sao?". Xin trả lời rằng : "Không đến nỗi như vậy". Trước hết, vấn đề ở đây không phải là thay đổi "tất cả tư tưởng của một dân tộc", mà chỉ là khai thông một chướng ngại về khiếm khuyết văn hóa do lịch sử để lại. Thứ đến, nếu lịch sử tạo ra những thế kẹt, lịch sử cũng dành cho ta những lối ra. Gần đây, những biến chuyển Liên Xô và Đông Âu cho ta thấy rằng các chế độ cộng sản có vẻ vững chắc vẫn có thể sụp đổ dễ dàng, nhanh chóng, và nhường chỗ cho chế độ dân chủ.

Chế độ cộng sản Liên Xô sụp đổ từ trong - implosion - do kết quả của một sức ép tập hợp lại của hai áp lực : áp lực từ trong và áp lực từ ngoài. Áp lực từ trong là áp lực của các đoàn thể và cá nhân Xô Viết, đặc biệt là từ ngay trong hàng ngũ đảng cộng sản Liên Xô, của những phần tử ý thức được sự cần thiết của thay đổi. Áp lực từ ngoài là áp lực của các cường quốc dân chủ cùng áp lực của dư luận dân chủ của các nước đó. Cần nói rằng áp lực này là áp lực được duy trì liên tục và qua thời gian dài. Riêng về các nước cộng sản Đông Âu, có thêm một điều kiện : sự yểm trợ của cường quốc bao bọc các nước đó không còn nữa.

Ở đây tôi xin bổ túc với hai chuyện cá nhân.

1. Tháng 8 năm 1988. Trên đường từ Singapore về Montréal, tôi ghé London thăm một người bạn Anh thân làm

ở tuần báo *The Economist*. Ông ta vừa đi một vòng quan sát Đông Âu về, đã viếng thăm tất cả các nước cộng sản trong vòng một tháng. Ông ta nói với tôi : "Chỉ có Poland chắc chắn sẽ thay đổi. Hungari có thể lung lay, nhưng ở Bulgari, Tiệp Khắc và nhất là Đông Đức cộng sản còn vững lắm". Tôi nói với ông ta : "Chúng mình già rồi. Nhưng ráng sống 20 năm nữa để chờ xem cộng sản sụp đổ. Tôi cá với anh rằng việc này sẽ xảy ra trong thời gian đó...". Nhưng ngay năm sau, 1989, bức tường Berlin bị đập phá, rồi tất cả các nước chư hầu Nga sụp đổ, và đến năm 1990 ngay cả Liên Xô và Đảng Cộng Sản Liên Xô cũng bị giải thể... Có một chi tiết khác cũng đáng ghi là : lúc ở nhà ông bạn ở London, tôi có gặp một cặp vợ chồng trẻ người Tiệp Khắc vừa vượt biên được tạm trú ở nhà ông ta. Họ bỏ trốn Tiệp Khắc vì nghĩ rằng ở lại trong xứ để tranh đấu cho tự do dân chủ chẳng có ý nghĩa gì cả vì chính quyền cộng sản còn rất vững và không có dấu hiệu gì cho thấy rằng họ sắp sụp đổ cả !

2. Đầu năm 1948, trong khi chờ đợi vào Đại Học London, tôi theo học một lớp bổ túc Anh ngữ ở City of London College. Ở đó tôi quen với một người Tiệp Khắc, cháu của ông Masaryk, tổng trưởng ngoại giao (không cộng sản) trong chính phủ "liên hiệp" Quốc-Cộng Tiệp. Tháng 2-1948, cộng sản đảo chánh, ông Masaryk nhảy cửa sổ tự vận. Người bạn Tiệp của tôi phải bỏ học về xứ vì bị cắt chuyển ngân, và gia đình đang còn ở Tiệp Khắc. Người đó chịu "an phận", chấp nhận không hoạt động chống chính quyền, dạy tiếng Anh cho mấy ông cán bộ cộng sản cao cấp, và được để yên. Năm 1989, sau khi cộng sản Tiệp sụp đổ, người đó viết cho tôi một bức thư ngắn, trong đó có câu : "Tôi không ngờ mà được có ngày hôm nay. Tiệp Khắc được giải phóng sau 40 năm chịu đựng chế độ cộng sản !".

Chế độ cộng sản được thay thế bởi một chính phủ do ông Vaclav Havel cầm đầu. Ông này là nhân vật lãnh đạo danh tiếng của tổ chức "Hiến Chương 77", phong trào tranh đấu đòi dân chủ Tiệp Khắc. Phong trào này đã có từ nhiều năm, và dù bị chính quyền cộng sản đàn áp vẫn tồn tại và gắn bó với nhau, đủ điều kiện để thay thế chế độ cộng sản sụp đổ.

Phải có một tổ chức sẵn sàng tiếp thu

Kinh nghiệm Tiệp Khắc cho ta thấy rằng, muốn duy trì và khai thác tình thế mới mở đường cho sự thiết lập một chế độ tự do dân chủ để tiếp thu ngay chế độ cộng sản đã sụp đổ, phải có sẵn một tổ chức tự do dân chủ có đủ điều kiện, sẵn sàng đảm nhiệm chính quyền và hướng dẫn dân chúng. Cùng với kinh nghiệm Liên Xô và các nước cộng sản Đông Âu khác, nó cho thấy rằng có ba điều kiện căn bản tổ chức trên đây phải thỏa mãn :

1. Có một ban lãnh đạo có uy tín và bản lĩnh - có lẫn tài cùng đức -, quyết tâm và nhứt trí,
2. Có chủ thuyết và chương trình hành động thích hợp,
3. Có khả năng huy động quần chúng.

Trong mấy chục năm qua, thành thực mà nói, các giới chống cộng Việt Nam, trong cũng như ngoài nước, chưa có một đảng, tổ chức, đoàn thể nào thỏa mãn đầy đủ ba điều kiện nói trên. Như đã trình bày rất rõ ràng, lý do chính là trong một thời gian dài, khả năng tổ chức không được phát

huy, nun đúc, không được xếp vào hàng những "giá trị tiêu chuẩn" ưu tiên trong văn hóa Việt Nam. Đó là một di sản của ba chế độ Khổng giáo, bảo hộ Pháp và cộng sản. Di sản này tuy không phải là lỗi của riêng ai cả, nhưng là một chướng ngại ghê gớm cho sự tập hợp người Việt trong sự loại bỏ chế độ cộng sản để xây dựng một xã hội tự do dân chủ tiến bộ. Ghê gớm đến nỗi có người cho rằng viễn ảnh thiết lập dân chủ "rất đen tối", và, như thế : "*Cuộc đấu tranh của chúng ta còn có ý nghĩa gì không ?*" (Nguyễn Ngọc Tấn, "Cơ hội nào cho Nguyễn Gia Kiểng ?", *Thông Luận*, tháng 11-2007).

Câu hỏi trên đây đã được trả lời ở đoạn trên, và những dữ kiện đã nêu ra cho phép kết luận rằng nếu cộng sản dùng "cỗ máy thời gian" để "bám trụ vĩnh viễn", như Nguyễn Ngọc Tấn nhận xét, thì "cỗ máy thời gian" cũng có thể đưa đến sự giải thể của chế độ đó, như lịch sử đã chứng minh. Và, vì vậy, những người tranh đấu cho tự do dân chủ phải lo tổ chức để có thể thích ứng kịp thời và hữu hiệu khi cơ hội đến với họ.

Cụ thể, phải thỏa mãn ba điều kiện nêu trên. Nhưng, trước tiên, phải có một cái nhìn, một lối suy tư và một thái độ hoàn toàn mới về vấn đề Việt Nam. Phải thành thực công nhận rằng người Việt Nam nào cũng bị một khuyết tật tâm lý chi phối nặng nề, có thể nói rằng làm cho họ vô dụng về phương diện xã hội : cá nhân tính quá mạnh mà tinh thần tập thể quá yếu. Cho nên mỗi người phải làm một cuộc suy xét và tự vấn triệt để, tìm hiểu vấn đề, và quyết tâm không chế khuyết tật đó để có thể tham gia hữu hiệu vào những hoạt động tập thể. Đây là điều kiện tiên quyết : ai tự hào rằng mình đang tranh đấu để đem lại tự do dân chủ cho Việt Nam mà không chấp nhận điều này là không ý thức được rằng mình lám chuyện dờn chơi.

Chỉ sau khi thấu hiểu vấn đề và quyết tâm điều chỉnh tư tưởng, thái độ và hành vi mới bắt tay vào việc tổ chức được, vì có sáng suốt, thiện chí, và thực tâm thì mới đáp ứng được những đòi hỏi căn bản của công việc này. Trước tiên là tuyển chọn một ban lãnh đạo có uy tín và bản lĩnh, có cả tài lẫn đức, quyết tâm và nhứt trí. Người đứng đầu ban lãnh đạo này tất nhiên phải là một người hết sức tài ba và đức độ vì, như thế mới điều khiển êm thấm được một ban lãnh đạo gồm những người có bản lĩnh, và giữ được kỷ luật và đoàn kết trong hàng ngũ của tổ chức.

Thứ đến là việc soạn thảo một chủ thuyết và một chương trình hành động. Với một ban lãnh đạo có bản lĩnh, mới nhìn qua thì vấn đề này có vẻ không khó. Nhưng, thực ra, thì ngược lại, vì phải làm sao cho chủ thuyết và chương trình hành động này thích hợp để đáp ứng được điều kiện thứ ba, là huy động quần chúng, điều kiện căn bản trong một cuộc tranh đấu dân chủ mà thắng bại không do ở bạo lực mà do ở sức mạnh phát từ ý nguyện của đa số nhân dân biểu hiện qua số phiếu.

Những người được giao nhiệm vụ dự thảo chủ thuyết và chương trình này phải khách quan nhận định lại tình thế và quốc nội - hoàn cảnh địa dư chính trị Việt Nam - để điều chỉnh lại các mục tiêu chiến lược và chiến thuật tranh đấu để thích nghi với thực tế để có hiệu quả. Ở đây, có hai điều phải chú ý :

1. Những "giá trị tiêu chuẩn" được lựa chọn phải là những

"tín hiệu tập hợp" quần chúng. Những "tín hiệu" (mục tiêu, khẩu hiệu) của các thời trước 1975 - "độc lập", "chống Pháp", "chống Mỹ", "diệt cộng" - nay không còn hiệu nghiệm nữa vì nó không còn hấp dẫn đối với quần chúng và hết thích hợp với tình thế. Phần khác, "tự do dân chủ", "tôn trọng nhân quyền, dân quyền" chưa phải là "tín hiệu tập hợp" vì tuy nó được nhận là những "giá trị tiêu chuẩn", nhưng chỉ trong một giới rất hạn chế, chưa được phổ cập để huy động quần chúng, lớp người quyết định.

2. Tiêu chuẩn và chương trình phải làm sáng tỏ rằng nó nhằm đưa đến sự xây dựng một xã hội mới trong đó những nguyện vọng, nhu cầu của những giới đã bị thiệt thòi nhất được điều chỉnh lại trong một "tình trạng thăng bằng" mới, giữa các thành phần thống trị và bị trị, giữa nhu cầu của tập thể và nhu cầu cá nhân, giữa đòi hỏi của tương lai và hiện tại.

Như nói ở đoạn trên, vì cuộc tranh đấu hiện nay là một cuộc tranh đấu dân chủ, tổ chức được lập lên phải có không những sự yểm trợ, mà sự tham gia của quần chúng, đặc biệt là quần chúng trong nước. Như vậy, lãnh đạo, và những lý thuyết, chương trình, khẩu hiệu của tổ chức phải được quần chúng biết đến, chấp nhận và sẵn sàng theo. Tổ chức phải có những người được giao phó nhiệm vụ tìm ra những phương thức để làm "tín hiệu tụ hội" để tập hợp quần chúng. Kế đến là phải có người đi vào quần chúng để huy động họ. Rõ ràng rằng chỉ có những người trong nước mới làm được việc này. Cho nên phải có một sự phối hợp chặt chẽ giữa tổ chức ở ngoài nước và tổ chức ở trong nước.

Một điều kiện cuối cùng phải cần thỏa mãn để tránh cho dân chủ Việt Nam "một tương lai vô cùng mờ mịt" vì đảng cộng sản luôn luôn có sẵn một đội ngũ cán bộ hùng hậu chọn từ trong "những bộ mặt hãm tài của đất nước" để thay thế nhau sử dụng "cỗ máy thời gian" để dè bẹp những khao khát dân chủ của nhân dân Việt Nam (Nguyễn Ngọc Tấn). Do đó, những người tranh đấu cho dân chủ phải kiên trì, sẵn sàng chấp nhận một cuộc đấu tranh không những có thể kéo dài đến hết đời mình, mà còn tiếp tục qua thế hệ khác. Một điều đáng mừng là hiện nay có một số người thuộc loại này đang hoạt động như vậy.

Trường hợp của Liên Xô, một đại cường quốc có vẻ hùng cường, vững chắc ghê gớm trong 70 năm, đã sụp đổ trong có một năm, và của các nước cộng sản Đông Âu, với những bộ máy đàn áp tinh vi, sụp đổ chỉ sau có mấy tuần, là một niềm hy vọng cho những người tranh đấu cho tự do. Nó cho thấy rằng "cỗ máy thời gian" không cho các chế độ cộng sản thoát một quy luật về xã hội: sinh, trưởng, suy, tử. Phật giáo có khái niệm "vô thường". Khổng giáo có cảnh báo: cùng thì phải biến để thông, nếu không thì không cứu. Cộng sản do một tập đoàn lãnh đạo quá tham quyền và lợi, chỉ biết có bạo lực, không chịu thông, nên sẽ không cứu được. Và nếu nó thông, thì nó hết là "*những bộ mặt hãm tài của đất nước*" (theo Nguyễn Ngọc Tấn). Cho nên những người tranh đấu cho tự do dân chủ cần kiên trì tranh đấu cho đến ngày cộng sản hoặc biến hoặc sụp. Tương lai dân chủ Việt Nam không đến nỗi quá đen tối như có người dự đoán.

Tôn Thất Thiện (Ottawa, 06-2008).

Hãy lên tiếng bảo vệ những tù nhân lương tâm người Thượng

Đàm So

Từ sau ngày 30-4-1975 dân chúng miền Nam Việt Nam quần quai hốt hoảng lo sợ vì ruộng bõ, bắt bớ người không cần lệnh tòa án hay bằng chứng phạm pháp của chính quyền cộng sản. Lực lượng công an, công cụ trấn áp và bảo vệ chính quyền cộng sản quy tụ quanh mình những tay anh chị giang hồ, những thành phần bất hảo trong xã hội hay những người lợi dụng thời thế, nịnh bợ làm chỉ điểm để làm công việc bắt nhân tàn ác này. Những thù oán cá nhân trong làng trong huyện được dịp leo thang và là nguyên nhân làm tan nát chia cách bao gia đình đang sống trong hạnh phúc, nhiều khi sự ty hiểm ganh ghét cũng đưa không ít người vào trại cải tạo, một nhà tù khắc nghiệt trá hình. Muốn đưa ai vào tù công an ấp hoặc công an xã chỉ cần gởi cho người đó một giấy mời lên cơ quan làm việc, lần đi ra khỏi nhà đó của nhiều người đôi khi là lần chia tay cuối cùng với gia đình vợ con. Phương châm của chính quyền thời bấy giờ là «thà bắt lầm còn hơn bỏ sót».

Người Thượng trên Tây Nguyên cũng là nạn nhân của những đợt truy quét bắt bớ này. Nhưng khác với cộng đồng người Kinh, trong cộng đồng người Thượng không có thành phần chỉ điểm, ngược lại đợt bố ráp truy bắt những trí thức người Thượng được tổ chức quy mô và có chiến lược. Những người có tên có mặt trong những đợt đấu tranh với chính quyền miền Nam dưới lá cờ Fulro và những công chức Thượng trong chế độ miền Nam đều được «mời lên làm việc». Cùng lúc, chính quyền tổ chức công tác dân vận nhằm bôi nhọ, chỉ trích, bài bác chủi bôi nhọ những người này kèm theo những hăm dọa bắt bớ nếu ai còn liên hệ với họ. Cuộc dân vận tuyên truyền bôi nhọ còn được tổ chức trong các làng xã người Kinh, để rồi sau đó khi nghe đến tổ chức Fulro, mọi người nghĩ ngay đến một toán quân phỉ, cướp bóc và giết người man rợ. Người Kinh ở các thành phố xa lại càng tin hơn và không ít người đã đem thành kiến này theo mình vượt biển khơi tìm một vùng đất mới.

Trong những lần lấy cung tra hỏi người Thượng, nhiều cán bộ cộng sản đã đánh thẳng tay nhiều hơn sự thẳng tay, đá thẳng chân nhiều hơn sự thẳng chân, vì đối tượng của họ không cùng nòi giống người Kinh, khác văn hoá và ngôn ngữ giúp họ dễ đánh mạnh hơn. Người Thượng bị tra đánh đã man gáp nhiều lần so với người Kinh, nhiều khi trò tra tấn không chỉ để lấy cung nhưng để thỏa mãn sự tàn ác với người không cùng cộng đồng với mình. Mỗi ngày đứng vào một giờ nào đó chúng kéo lê thân xác mất hồn của tội phạm lên đùa bỡn bằng bạo lực. Khi trò chơi đã nhàm chúng viết một tờ tự khai nhận tội và ra lệnh cho khối thịt bầm tím rã rượi vì đòn tra còn thở thoi thóp nằm trên nền nhà ký hay lặn tay xác nhận biên bản. Nhiều người Thượng đã tiểu tiện, đại tiện trong quần và hồn vía đều bay mất khi nghe tiếng mở khoá buồng biệt giam vang lên đúng giờ lên lấy cung. Tiếng rú đau đớn của những nạn nhân vang dội xuống các buồng giam khác như